TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2022/HNGD-ST
Ngày 25 tháng 7 năm 2022
Về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị V, sinh năm 1982

Địa chỉ: xóm L, xã V, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Ngô Văn S, sinh năm 1979

Địa chỉ: xóm L, xã V, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

(Chị V, anh S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị V trình bày*:*

Chị và anh Ngô Văn S được tự nguyện tìm hiểu và về chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1998 đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2005, khi chị sinh cháu thứ 3. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không chịu làm ăn, đàn đúm, rượu chè, đánh đập chị, dọa giết chị và dùng những lời nói miệt thị, xúc phạm chị, chỉ coi chị là người làm thuê vì anh nói rằng không có đăng ký kết hôn và thường xuyên đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã chịu đựng nhiều năm vì bị đánh đập, hắt hủi chỉ để nuôi các con khôn lớn.

Đến đầu năm 2022, anh S đánh đuổi chị ra khỏi nhà, nên chị về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng để đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 04 con chung gồm:

Ngô Văn D, sinh ngày 11/8/1999, Ngô Thị Ph, sinh ngày 16/5/2003, Ngô Văn Th, sinh ngày 16/6/2005 và Ngô Thị V, sinh ngày 18/6/2011.

Cháu D và cháu Ph đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Th và cháu V còn nhỏ, chị có nguyện vọng được nuôi cháu V, còn để anh S nuôi cháu Th. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nợ chung.

Về phía bị đơn anh Ngô Văn S trong biên bản lấy lời khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: anh thừa nhận về thời gian chung sống từ năm 1998 cho đến nay, do anh chị về sống với nhau khi chị V mới 16 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn nên không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Anh xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 01/2022 thì chị V tự ý bỏ về bên ngoại sống, anh không đánh đập, không đuổi chị V đi.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung**:** Trong quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung: Ngô Văn D, sinh ngày 11/8/1999, Ngô Thị Ph, sinh ngày 16/5/2003, Ngô Văn Th, sinh ngày 16/6/2005 và Ngô Thị V, sinh ngày 18/6/2011.

Cháu D và cháu Ph đã trưởng thành, có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Th và cháu V còn nhỏ, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu V và cháu Th . Anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa chị V, anh S vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Trong bài phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71, 72 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị V với anh Ngô Văn S

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Ngô Văn Thư, sinh ngày 16/6/2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Ngô Thị Vân, sinh ngày 18/6/2011 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

- Chị V là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm nên cần miễn án phí cho chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng**:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, các đương sự có địa chỉ tại: xóm L, xã V, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung: Chị Ngô Thị V và anh Ngô Văn S cùng thừa nhận đã chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã V xác định, qua kiểm tra sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn từ năm 1995 đến nay được lưu tại UBND xã V thì không thể hiện chị Ngô Thị V, sinh năm 1982 và anh Ngô Văn S, sinh năm 1979 đăng ký kết hôn. Do vậy xác định chị Ngô Thị V và anh Ngô Văn S không đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị V và anh Ngô Văn S là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do chị V xin ly hôn anh S theo chị V là do anh S chơi bời, không chịu làm ăn, đàn đúm, rượu chè, đánh đập chị, dọa giết chị, dùng những lời nói miệt thị, xúc phạm chị và thường xuyên đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Đến đầu năm 2022 do anh S đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Khi chị về bên ngoại sinh sống anh S thường xuyên gọi điện chửi và xúc phạm chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Phía anh S cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm mà hiện nay vẫn sống ly thân. Mặt khác anh S và chị V đã chung sống như vợ chồng trong một thời gian dài, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung: Ngô Văn D, sinh ngày 11/8/1999, Ngô Thị Ph, sinh ngày 16/5/2003, Ngô Văn Th, sinh ngày 16/6/2005 và Ngô Thị V, sinh ngày 18/6/2011.

Cháu D và cháu Ph đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cháu Th và cháu V còn nhỏ, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu V và cháu Th. Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được nuôi con của chị V, anh S là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên cháu V là con gái, cháu Th là con trai, tại bản tự khai và tại phiên tòa cháu V trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Th trình bày nguyện vọng muốn ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của cháu Vân và cháu Th, nên giao con chung là cháu Ngô Thị V cho chị Ngô Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng. giao cháu Ngô Văn Th cho anh Ngô Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 15, Điều 58, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị V, anh S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị V dân tộc Mông, là dân tộc thiểu số, sống tại xóm L, xã V là xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do vậy cần miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị V theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 14,15, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị V và anh Ngô Văn S.

2.Về con chung: Giao con chung Ngô Thị V, sinh ngày 18/6/2011 cho chị Ngô Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung Ngô Văn Th, sinh ngày 16/6/2005 cho anh Ngô Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị V và anh Ngô Văn S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Ngô Văn S, chị Ngô Thị V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Ngô Thị V. Hoàn trả cho chị Ngô Thị V số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005164 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị V, anh S báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châm Thị Vân Khánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châm Thị Vân Khánh